

Bản án số: **06/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: **05 - 02 - 2021**

*“V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI - TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Dương Thị Thu Hà**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Thế Căn** và bà **Nguyễn Thị Ngọc**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Đặng Thu Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái tham gia phiên tòa:* Bà **Tạ Thị Huyền**, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐ-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Kiều Thị H**, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Đội 7, thôn P, xã C, huyện Th, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn D**, sinh năm: 1972; Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Th, xã Th, huyện Ph, Thành phố Hà Nội; Tạm trú: khu 8, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Chị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm thể hiện tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 25/01/2021 của nguyên đơn chị Kiều Thị H thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn D chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng đến tháng 12/2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cần Kiệm, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, hôn nhân trên cơ sở tình yêu và hoàn toàn tự nguyện. Cuộc hôn nhân giữa chị và anh D không hạnh phúc, thường

xuân xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D ghen tuông mù quáng nên thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, có lời lẽ và hành động thiếu tôn trọng nhau. Giữa anh D và chị đã từng xảy ra xô xát phải nhờ trưởng khu giải quyết nhưng vẫn xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị và anh D đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm giữa chị và anh D không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn D.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Lê Văn D 02 (hai) con chung là Lê Thị Trà M, sinh ngày 07/12/2006 và Lê Kiều Trúc V, sinh ngày: 11/9/2012.

Tại Đơn khởi kiện, chị đề nghị mỗi người nuôi 01 con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, chị đề nghị nhường quyền cho anh D nuôi cả hai con chung đến khi đủ 18 tuổi, do điều kiện cuộc sống của chị chưa đảm bảo.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về khoản nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết cho anh Lê Văn D. Các văn bản tố tụng trên đều được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về giao nhận văn bản, anh D biết thời gian tham gia tố tụng nhưng không chấp hành.

Qua việc tổng đạt các văn bản tố tụng được biết anh D hiện vẫn đang sinh sống tại khu 8, phường H, thành phố M, khi giao nhận văn bản anh D từ chối nhận nhưng nhân viên thừa phát lại vẫn thông báo nội dung văn bản, thời gian, địa điểm tiến hành tố tụng nhưng anh D thể hiện quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Quá trình giải quyết vụ án chị H đã cung cấp các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Sổ hộ khẩu (bản sao); Sổ tạm trú (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân (02 bản sao); Giấy khai sinh (02 bản sao); Phiếu gửi ViettelPost (bản chính); Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án (bản chính).

Chứng cứ do Tòa án thu thập là: Biên bản xác minh tại Công an phường H, thành phố M; Biên bản xác minh tại khu 8, phường H, thành phố M; Biên bản về việc không lấy được lời khai của đương sự anh Lê Văn D; Biên bản lấy lời khai của các con chung;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng qui định của pháp luật;

+ Về tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn được đảm bảo và nghiêm chỉnh chấp hành quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); bị đơn là anh Lê Văn Dũng được đảm bảo các quyền và nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật theo Điều 70, 72 BLTTDS. Tuy nhiên, anh D không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kiều Thị H

+ Về tình cảm: Xử cho chị Kiều Thị H được ly hôn với anh Lê Văn D.

+ Về con chung: Giao con chung Lê Thị Trà M, sinh ngày 07/12/2006 và Lê Kiều Trúc V, sinh ngày: 11/9/2012 cho anh Lê Văn D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về khoản nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và căn cứ vào kết quả tranh tụng, hỏi tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Kiều Thị H và anh Lê Văn D là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; chị H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh D nên thuộc trường hợp “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”; bị đơn anh Lê Văn D hiện đang sinh sống và đăng ký tạm trú tại khu 8, phường H, thành phố M theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

- *Về thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải:* Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, quá trình thực hiện tổng đạt bị đơn luôn từ chối nhận văn bản; Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo qui định tại

khoản 4 Điều 207 của BLTTDS. Nguyên đơn đã được tiếp cận các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái; nguyên đơn đã thực hiện việc gửi bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn thể hiện tại phiếu gửi ViettelPost ngày 21/10/2020.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tiến hành triệu tập 02 lần đối với anh Lê Văn D và thực hiện giao gửi nhiều lần văn bản đối với anh D, đại diện địa phương đã xác nhận đã niêm yết, thông báo nội dung các văn bản cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tại phiên tòa ngày 20/01/2021, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 233 của BLTTDS hoãn phiên tòa và tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập cho nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 05/02/2021, nguyên đơn có mặt đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

Do đó, việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự đảm bảo đúng qui định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Kiều Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Kiều Thị H và anh Lê Văn D là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có sự quan tâm, chăm sóc chia sẻ, thiếu sự tôn trọng nhau dẫn đến đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay.

Ngoài ra, biên bản xác minh ngày 25/11/2020 tại địa phương thể hiện cơ bản phù hợp với phần trình bày của chị H về quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, thời điểm ly thân đồng thời đã hòa giải cơ sở nhưng không có kết quả. Địa phương xác nhận anh D vẫn sinh sống cùng 02 con chung tại khu 8, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Từ đó cho thấy, thực trạng cuộc sống chung giữa vợ chồng chị H và anh D không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ và thiếu tôn trọng nhau, hôn nhân thực tế không còn tồn tại là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh D.

- Về con chung: Chị H và anh D có 02 (hai) con chung là Lê Thị Trà M, sinh ngày 07/12/2006 và Lê Kiều Trúc V, sinh ngày: 11/9/2012.

Tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Hiện nay cả hai con chung đang sinh sống cùng bố là Lê Văn D và theo học các trường phổ thông trên địa bàn Móng Cái. Vì anh chị Dũng Hương có hai con chung nên nhận thấy mỗi người có thể nuôi một con chung, mặc dù vậy, Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải

quyết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người mẹ và trẻ em để các cháu có sự phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Lê Thị Trà M và Lê Kiều Trúc V thể hiện: Nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì các cháu có nguyện vọng ở với bố là Lê Văn D.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H có quan điểm nhường quyền nuôi con chung cho anh D nên có cơ sở chấp nhận: Giao con chung Lê Thị Trà M, sinh ngày 28/01/2006 cho anh Lê Văn D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, quá trình giải quyết vụ án chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tuy nhiên, các đương sự có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; Trên cơ sở lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Chị H trình bày không có nên không xét.

- Về khoản nợ chung: Chị H trình bày không có nên không xét.

[3]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Đây là vụ án dân sự sơ thẩm (ly hôn) không có giá ngạch, nên cần buộc nguyên đơn chị Kiều Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kiều Thị H về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Kiều Thị H được ly hôn với anh Lê Văn D.

2. *Về con chung:* Giao các con chung Lê Thị Trà M, sinh ngày 07 tháng 12 năm 2006 và Lê Kiều Trúc V, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2012 cho anh Lê Văn D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; Trên cơ sở lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. *Về nghĩa vụ chịu án phí:* Buộc chị Kiều Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000413 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Cần Kiệm, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS thành phố Móng Cái;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(đã ký)

**Dương Thị Thu Hà**